

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

Số: 29/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hung Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 19/2021/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: thôn T V, xã T C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T V, xã T C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: B T, G J, J, 15-101, Bialystok, Ba Lan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2014;

2. Cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2007;

3. Cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2011;

Đều địa chỉ: thôn T V, xã T C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu H, T1 và M: chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn B là mẹ, bố.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2022 là hoàn

toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: thôn T V, xã T C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T V, xã T C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: B T, G J, J, 15-101, B, Ba Lan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2014;

2. Cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2007;

3. Cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2011;

Đều địa chỉ: thôn T V, xã T C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. Con chung: Chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2007 và Đỗ Quang M, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2011; anh Đỗ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Đỗ Quang H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2004;

Anh Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung là Đỗ Quang M với chị Hoàng Thị T số tiền 2.000.000 đồng/tháng, tiền cấp dưỡng được giao vào ngày 01 tháng 7 và ngày 01 tháng 01 hàng năm mỗi lần số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn B có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung, nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Nếu chị T, anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Chị Hoàng Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000369 ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;*
- *Ủy ban nhân dân xã T C;*
- *Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

TRƯƠNG QUANG TÚ